Hồ sơ Kết quả đấu thầu cung ứng VTYT năm 2021 của các đơn vị cập nhật đến tháng 08.2021

				Hồ sơ kết quả đấu thầu VTYT						
STT	**Tỉnh**	**Tên đơn vị**	**Mã cs kcb**	**Số QĐ**	**Ngày ký**	**Hiệu lực đến**	**Hình thức**	**Số lượng mặt hàng**	**Giá trị trúng thầu**	**Ghi chú**
1	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện đa khoa Bưu Điện - Cơ sở I	79023	141/QĐ-BV	23/04/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	60	7.737.710.000	
2	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quận 12	79029	722/QĐ-BV	05/04/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	40	5.611.408.700	
3	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quận Bình Thạnh	79031	97/QĐ-BV	17/03/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	99	11.390.636.676	
4	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	79032	149/QĐ-BVPN	31/05/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	212	14.088.369.165	
5	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quận Gò Vấp	79035	119/QĐ-BVGV	27/04/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	76	6.035.299.652	
6	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bình Dân	79397	123/QĐ-BVBD	25/01/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	5	5.740.307.475	
7	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	79398	38/QĐ-BVCTCH	02/02/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	1.514	654.774.529.280	
8	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đại học Y dược	79431	869/QĐ-BVĐHYD	07/04/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	440	12.299.029.340	
9	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đại học Y dược	79431	537/QĐ-BVĐHYD	19/03/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	455	172.267.414.020	
10	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đại học Y dược	79431	1005/QĐ-BVĐHYD	14/04/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	443	386.407.876.295	
11	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đại học Y dược	79431	1334/QĐ-BVĐHYD	13/05/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	398	174.456.359.387	
12	TP. Hồ Chí Minh	Viện Tim TP. HCM	79443	50/QĐ-VT	25/02/2021	ng kể từ ngày ký hợp đồng	Rộng rãi	50	8.449.396.584	
13	TP. Cần Thơ	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	92115	280/QĐ-BVTĐHYDCT	17/06/2021	27/06/2022	Rộng rãi	187	14.054.428.136	
14	TP. Cần Thơ	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	92115	321/QĐ-BVTĐHYDCT	07/08/2021	15/08/2022	Rộng rãi	705	81.410.044.522	
15	TP. Cần Thơ	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	92000	1532/QĐ-BVTWCT	29/07/2021	08/03/2022	Rộng rãi	566	103.795.308.258	
16	TP. Cần Thơ	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	92000	1667/QĐ-BVTWCT	08/09/2021	08/12/2022	Rộng rãi	1.313	404.276.487.160	
17	Điện Biên	Sở y tế tỉnh Điện Biên	18	444/QĐ-SYT	44370	31/12/2022	Rộng rãi	52	10.601.650.000	
18	Điện Biên	Sở y tế tỉnh Điện Biên	18	445/QĐ-SYT	23/06/2021	31/12/2022	Rộng rãi	27	9.310.419.500	
19	Tuyên Quang	Sở Y tế	08	472/QĐ-SYT	08/06/2021	09/06/2022	Rộng rãi	153	58.347.283.650	
20	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa tỉnh	08101	344/QĐ-BVĐK	23/06/2021	22/06/2022	Rộng rãi	214	20.444.611.613	
21	Vĩnh Phúc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	26001	463/QĐ-BVĐK	30/6/2021	30/9/2021	Rộng rãi	30	8.422.476.474	
22	Lạng Sơn	Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn		537/QĐ-SYT	44229	02/02/2022	Rộng rãi	100	35.719.736.590	
23	Lạng Sơn	Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn		874/QĐ-SYT	11/03/2021	11/03/2022	Rộng rãi	328	36.701.332.415	
24	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	46002	310	02/02/2021	02/02/2022	Rộng rãi	113	9.598.164.132	
25	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	46002	311	02/02/2021	02/02/2022	Rộng rãi	230	26.060.633.550	
26	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	46002	312	02/02/2021	02/02/2022	Rộng rãi	112	32.920.168.000	
27	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	46002	313	02/02/2021	02/02/2022	Rộng rãi	80	27.228.995.000	
28	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	46002	1591	21/6/2021	21/6/2022	Rộng rãi	25	4.807.260.000	
29	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	46002	1592	21/6/2021	21/6/2022	Rộng rãi	14	6.185.800.000	